

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Anh Đức;

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồng Thị Ngọc G, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Lệ Q – Văn phòng luật sư T, đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10 tháng 02 năm 2022 của bà Hồng Thị Ngọc G thể hiện:*

Bà vào ông S có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn M cấp số 23 quyền số 01 ngày 12/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm gần đây thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà G yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà G và ông S có 02 người con chung là Phan Quốc Kh, sinh ngày 29/6/2003 và Phan Quốc B, sinh ngày 01/8/2008. Khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền nuôi con Phan Quốc B đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con Phan Quốc B. Đối với con chung Phan Quốc Kh đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Phan Văn S:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Phan Văn S vắng mặt, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

*Tại tờ tường trình ngày 09/3/2022 con chung Phan Quốc B trình bày:* Khi cha mẹ ly hôn không còn chung sống với nhau cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Hồng Thị Ngọc G.

*Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Bà G trình bày khoảng 03 năm gần đây vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân của bà G và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồng Thị Ngọc G.

Về con chung: Bà G và ông S có 02 người con chung là Phan Quốc Kh, sinh ngày 29/6/2003 và Phan Quốc B, sinh ngày 01/8/2008. Khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền nuôi con Phan Quốc B đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con Phan Quốc B. Đối với con chung Phan Quốc Kh đã trưởng thành, bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Hồng Thị Ngọc G và ông Phan Văn S đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà G, ông S vắng mặt, bà G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồng Thị Ngọc G và ông Phan Văn S.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Hồng Thị Ngọc G được ly hôn với ông Phan Văn S. Về con chung: Đề nghị giao con chung Phan Quốc B, sinh ngày 01/8/2008 cho bà Hồng Thị Ngọc G được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi con chung Phan Quốc B đủ 18 tuổi. Con chung Phan Quốc Kh đã trưởng thành nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồng Thị Ngọc G không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà G, ông S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà G, ông S vắng mặt, bà G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồng Thị Ngọc G và ông Phan Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồng Thị Ngọc G và ông Phan Văn S tự nguyện tổ chức cưới và đăng ký kết hôn, được UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 23 quyển số 01 ngày 12/10/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Hồng Thị Ngọc G và ông Phan Văn S là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà G yêu cầu ly hôn do khoảng 03 năm gần đây vợ chồng không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, hôn nhân không có hạnh phúc. Xét thấy, ông S đã được Toà án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng ông không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông S không quan tâm, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà G, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà G và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồng Thị Ngọc G.

[3] Về con chung: Bà G và ông S có 02 người con chung là Phan Quốc Kh, sinh ngày 29/6/2003 và Phan Quốc B, sinh ngày 01/8/2008. Khi ly hôn bà G yêu cầu

được quyền nuôi con Phan Quốc B đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con Phan Quốc B. Đối với con chung Phan Quốc Kh đã trưởng thành, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy, hiện nay con chung là Phan Quốc B đang sống cùng với bà G. Cháu B có nguyện vọng sống với mẹ, bà G cũng yêu cầu được quyền tiếp tục được nuôi con đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung thì cần thiết giao cháu Phan Quốc B cho bà G trực tiếp nuôi đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồng Thị Ngọc G không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Hồng Thị Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồng Thị Ngọc G được ly hôn với ông Phan Văn S.

2. Về con chung: Giao cho bà Hồng Thị Ngọc G được quyền trực tiếp nuôi con chung Phan Quốc B, sinh ngày 01/8/2008 cho đến khi cháu Phan Quốc B đủ 18 tuổi. Ông Phan Văn S được quyền thăm nom con chung Phan Quốc B không ai được quyền cản trở.

Con chung là Phan Quốc Kh, sinh ngày 29/6/2003 đã trưởng thành. Bà Hồng Thị Ngọc G và ông Phan Văn S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hồng Thị Ngọc G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Hồng Thị Ngọc G phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009866 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Hồng Thị Ngọc G đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mến**